



*(Theo mẫu tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

NĂM 2019





## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0201579242
- Vốn điều lệ: 632.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 632.500.000.000 đồng
- Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.8830333
- Số fax: 0225.8830668
- Website: www.vipgreenport.com.vn
- Mã cổ phiếu: VGR

### Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (VIP GREEN PORT) là công ty cổ phần thành lập mới với mức Vốn điều lệ là 450 tỷ đồng.

Ngày 22/10/2014 diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty với sự tham gia của 03 cổ đông sáng lập như sau:

1. Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship Corp)
2. Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO.
3. Ông Nguyễn Đình Thanh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28/10/2014 với mã số doanh nghiệp: 0201579242.

Ngay sau khi thành lập, Công ty đã triển khai dự án đầu tư xây dựng cảng container nước sâu chuyên dùng cùng các trang thiết bị trên bến hiện đại tại Khu Kinh tế Đình Vũ – Hải Phòng, có thể tiếp đón các tàu chở hàng container cỡ lớn. Ngày 27/11/2015 Công ty tổ chức đón chuyến tàu đầu tiên, chính thức đưa cảng VIP GREEN PORT vào khai thác.

Ngày 08/01/2016, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty được thay đổi lần 2 để tăng vốn Điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 575 tỷ đồng do Công ty bán 12.500.000 cổ phần (tương ứng với 125 tỷ đồng) cho cổ đông chiến lược - Hãng tàu Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd.

Ngày 15/11/2017, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty được thay đổi lần 3 để tăng vốn Điều lệ từ 575 tỷ đồng lên 632,5 tỷ đồng do Công ty tiến hành phát hành thêm 10% cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

- Các sự kiện khác:

Cơ cấu vốn góp tại Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP tại thời điểm hiện tại như sau:

- + Công ty Cổ phần Container Việt Nam (Viconship Corp): góp 74,35 % vốn điều lệ bằng 47.025.000 cổ phần (tương ứng với 470 tỷ 250 triệu đồng).
- + Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd.,: góp 21,74% vốn điều lệ bằng 13.750.000 cổ phần (tương ứng 137 tỷ 500 triệu đồng).
- + Các cổ đông cá nhân khác góp 3,91% vốn điều lệ bằng 2.475.000 cổ phần (tương ứng với 24 tỷ 750 triệu đồng).

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh:
  - + Bốc xếp hàng hoá.
  - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
  - + Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.
  - + Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.
  - + Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa.
  - + Đại lý, môi giới, đấu giá.
  - + Vận tải hàng hoá bằng đường bộ.
  - + Sửa chữa máy móc, thiết bị.
- Địa bàn kinh doanh:
 

Công ty hoạt động kinh doanh trên địa bàn Hải Phòng.

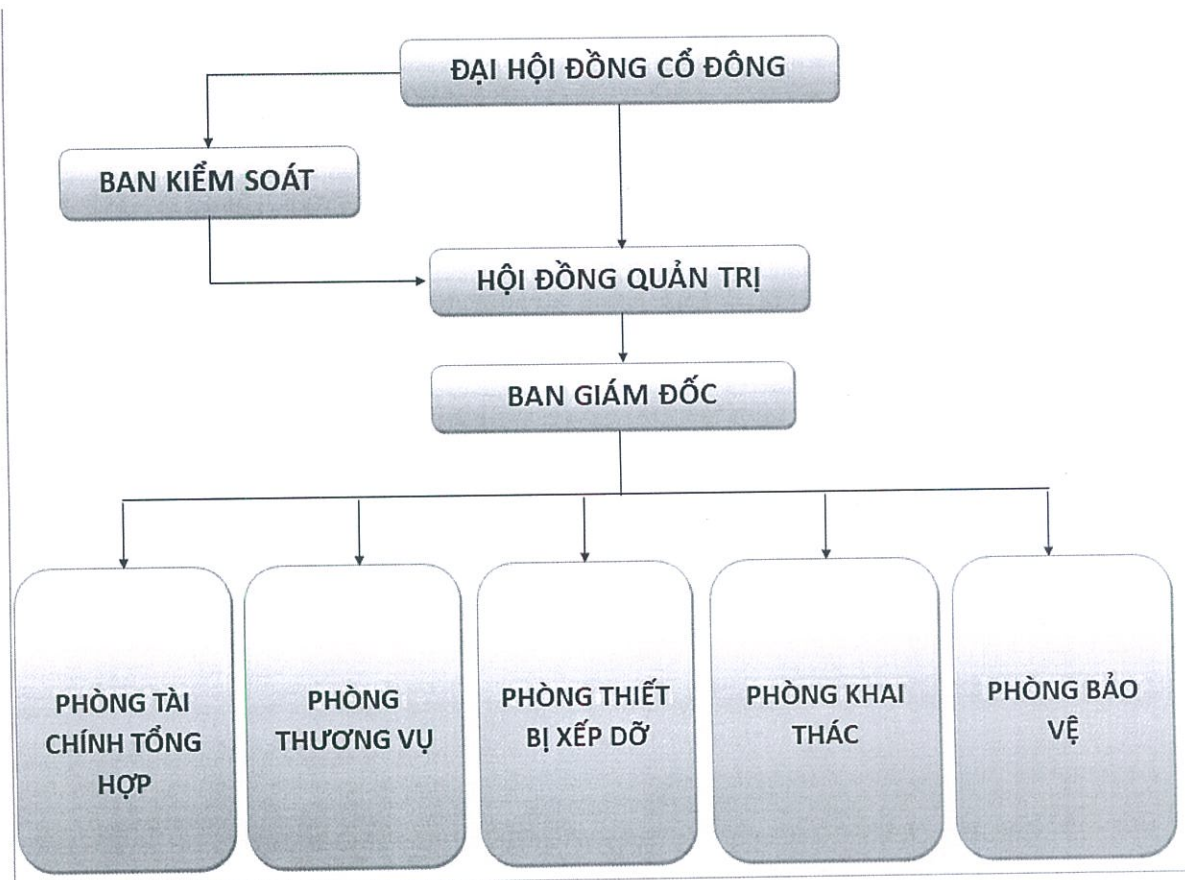
**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị:
 

Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Ban kiểm soát; Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc và Các phòng ban chức năng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, các Luật khác và Điều lệ Công Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.





### ❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty...

### ❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ của Hội đồng là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra.

### ❖ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

### ❖ Ban lãnh đạo

Ban điều hành của Công ty gồm có Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng. Giám đốc là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

### ❖ Các phòng, ban chức năng

Các phòng Thiết bị xếp dỡ, Phòng Khai thác, Phòng Bảo vệ, Phòng Thương Vụ, Phòng Tài chính Tổng hợp được tổ chức chuyên môn hóa từng mảng công việc và hỗ trợ lẫn nhau nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty. Đứng đầu các đơn vị là các trưởng phòng có nhiệm vụ triển khai, tổ chức hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị dưới sự chỉ đạo của Ban giám đốc.

## 4. Định hướng phát triển

### – Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu chủ yếu của Công ty là không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn các yêu cầu đa dạng, khắt khe của khách hàng. Đảm bảo việc phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, trở thành một cảng biển lớn uy tín, tin cậy trên thị trường trong nước và quốc tế.

### – Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là đẩy mạnh đầu tư phương tiện thiết bị chuyên dùng và kiên định với công tác thị trường, “giữ vững khách hàng hiện tại và mời thêm khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty”. Ngày càng nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ cảng, đưa Công ty phát triển lên tầm cao mới.

### – Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng là phần gắn liền với hệ thống quản lý và văn hóa của doanh nghiệp.

**5. Các rủi ro:**

Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn khó khăn và biến động bất thường. Thị trường vận tải biển không ổn định. Sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành nghề ngày càng khốc liệt. Các yếu tố kể trên có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**II. Tình hình hoạt động trong năm****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2019 là năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề, thị trường vận tải biển tiếp tục bất ổn; tuy nhiên Công ty đã duy trì được nhịp độ tăng trưởng, phát triển bền vững và đạt được những kết quả rất khả quan trong sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thuần đạt 791,771 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 133,48 tỷ đồng.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ	
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ	Năm 2018	Tỷ lệ
Tổng doanh thu	791,771	730	108,47%	757,329	104,55%
Lợi nhuận trước thuế	133,480	125	106,78%	148,247	90,04%

**2. Tổ chức và nhân sự**

– Danh sách Ban điều hành:

Danh sách	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch HĐQT	24,35% Vốn điều lệ
Ông Chang Cheng-Yung	Ủy viên HĐQT	21,74% Vốn điều lệ
Ông Trần Xuân Bạo	Ủy viên HĐQT	16,67% Vốn điều lệ
Ông Nguyễn Việt Trung	Ủy viên HĐQT	16,67% Vốn điều lệ
Ông Cáp Trọng Cường	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	16,68% Vốn điều lệ
Ông Nguyễn Kim Dương Khôi	Phó giám đốc	0% Vốn điều lệ
Bà Đoàn Thị Thanh Thủy	Kế toán trưởng	0,0023% Vốn điều lệ



**Tóm tắt lý lịch:**

**Ông Nguyễn Văn Tiến – Chủ tịch HĐQT**

Ngày sinh: 19/03/1969

Nơi sinh: Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Số CCCD: 030069004873

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Ái Quốc, Nam Sách, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Số 16/94 Trần Phú, phường Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại cơ quan: (0225) 8830333

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Container Việt Nam (VICONSHIP); Chủ tịch Công ty TNHH MTV dịch vụ cảng Xanh.

Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

Lợi ích liên quan với Công ty: Không.

**Ông Chang Cheng-Yung – Ủy viên HĐQT**

Ngày sinh: 05/05/1962

Nơi sinh: Đài Loan

Số Hộ chiếu: 301646113

Dân tộc: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan

Quê quán: Chang-Hua, Đài Loan

Địa chỉ thường trú: 9F, Số 2, ngõ 9, đường 210, Quận. 2, Yanping, Đài Loan, Trung Quốc

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Công ty Evergreen Marine Corporation (Đài Loan)

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

**Ông Trần Xuân Bạo – Ủy viên HĐQT**

Ngày sinh: 25/10/1963

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030556364

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Cỏ Am, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số nhà 15 An Đà, Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng



Điện thoại cơ quan: (0225) 3 836705

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc tài chính Công ty cổ phần Container Việt Nam (VICONSHIP); Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Container Việt Nam (VICONSHIP); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Container Miền Trung; Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

### **Ông Nguyễn Việt Trung – Ủy viên HĐQT**

Ngày sinh: 20/03/1976

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030980816

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Mộc Xá – Thanh Oai – Hà Tây (nay là Hà Nội)

Địa chỉ thường trú: Số 42A/101 Phạm Tử Nghi, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kinh tế Vận tải biển, cử nhân tiếng Anh

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Container Việt Nam (VICONSHIP); Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh,.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

### **Ông Cáp Trọng Cường – Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty**

Ngày sinh: 24/04/1978

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030991428

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Thổ Hà, Việt Yên, Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: 168 Vũ Chí Thắng, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ (PTSC)

01  
CỔ  
ẢN  
ẢN



Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ và phát triển Xanh.

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

### **Ông Nguyễn Kim Dương Khôi – Phó Giám đốc**

Ngày sinh: 03/05/1977

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CCCD: 031077000747

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Kiều Hạ, Quốc Tuấn, An Dương, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Số 21 Đặng La Ma, Kênh Dương, Lê Chân, TP. Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Chức vụ hiện tại: Phó Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

### **Bà Đoàn Thị Thanh Thủy – Kế toán trưởng**

Ngày sinh: 05/09/1964

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 030638137

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số 87-89 Lâm Tường, Hồ Nam, Lê Chân, TP. Hải Phòng

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế biên

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: không.

Lợi ích liên quan với Công ty: không.

– Những thay đổi trong Ban điều hành:

– Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động bình quân trong năm của công ty là: 157 người.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.



**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư 01 Mobile Harbour Crane 104 tấn phục vụ công tác khai thác container và hàng quá khổ quá tải; 01 giàn dữa phòng cho Quay Crane và máy phát điện phục vụ khai thác.
- Nạo vét, duy tu vùng nước trước bến và vũng quay tàu theo đúng thiết kế, đảm bảo tiếp nhận tàu an toàn.

**4. Tình hình tài chính**

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.240.297.615.260	1.120.754.424.444	-9,6%
Doanh thu thuần	757.329.066.444	791.771.660.788	4,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	148.247.651.427	134.010.198.272	-9,6%
Lợi nhuận khác	0	0	
Lợi nhuận trước thuế	148.247.651.427	134.010.198.272	-9,6%
Lợi nhuận sau thuế	148.247.651.427	134.010.198.272	-9,6%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	34,13%	0%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	1,404 lần	1,971 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn</i>	1,297 lần	2.856 lần	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản:	28,31%	13,80%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:	39,49%	16,01%	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản :	61,06%	70,65%	

92.  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CẢNG XANH  
 VIP  
 (P.H)



<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	19,57%	16,86%	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,67%	13,82%	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	11,95%	11,91%	
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	19,57%	16,93%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

## a) Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu: 63.250.000 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành: 63.250.000 cổ phiếu, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 63.250.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

## b) Cơ cấu cổ đông

Stt	Cổ đông	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số lượng CP năm giữ
1	<b>Tổ chức</b>	<b>96,09</b>	<b>60.775.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	21.74	13.750.000
	Tổ chức Việt nam	74.35	47.025.000
	<b>Cá nhân</b>	<b>3,91</b>	<b>2.475.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	0	0
	Cá nhân Việt nam	3.91	2.475.000
2	<b>Trong nước</b>	<b>78,26</b>	<b>49.500.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức trong nước	74.35	47.025.000
	Cá nhân trong nước	3.91	2.475.000
	<b>Nước ngoài</b>	<b>21,74</b>	<b>13.750.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	21.74	13.750.000
	Cá nhân nước ngoài	0	0

## c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có

## d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại của Công ty là: 0 cổ phiếu.

## e) Các chứng khoán khác: Không.



## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất kinh doanh của Công ty là 0 đồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không.

### **6.2. Tiêu thụ năng lượng**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

### **6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Công ty không tiêu thụ nước cho các hoạt động kinh doanh. Nước tiêu thụ là nước phục vụ cho sinh hoạt văn phòng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

### **6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

### **6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng lao động bình quân trong năm của Công ty là: 157 người. Thu nhập bình quân: 16.800.000 đồng / người / tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Công ty thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển. Trong năm 2019 Công ty đã đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo các nội dung:

+ An toàn lao động: 157 người

+ Phòng cháy chữa cháy: 157 người

+ Đào tạo nghề 2: 10 người.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.



Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

**6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương luôn được Công ty quan tâm thực hiện.

**6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN**

Công ty đang có những định hướng để phát triển hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Kinh tế toàn cầu năm 2019 đã có biến chuyển tốt hơn so với năm 2018, tuy nhiên vẫn còn diễn biến phức tạp. Giá các dịch vụ cảng biển, kho, bãi, vận tải bộ giảm do sức ép cạnh tranh giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề và mất cân đối cung cầu. Sự can thiệp của Nhà nước trong vấn đề đặt ra các quy chuẩn về bình ổn giá phần nào giảm sự cạnh tranh trực tiếp về giá cả, tuy nhiên lại đặt ra nhiều vấn đề trong môi giới thị trường.

Trước những biến động như vậy nhưng do sự chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của HĐQT, sự nỗ lực phấn đấu của Ban điều hành cùng toàn thể người lao động, các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty vẫn giữ vững được mức tăng trưởng ổn định.

Tổng doanh thu thuần đạt 791,771 tỷ đồng, tăng 4,55% so với thực hiện năm 2018.

Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 133,479 tỷ đồng, giảm 9,96% so với thực hiện năm 2018.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được sự tăng trưởng và phát triển cao hơn nữa so với năm 2018. Việc đầu tư xây dựng thêm các trang thiết bị mới theo tiêu chuẩn nước ngoài đầy VIP GREENPORT lên với năng lực hoạt động cao, quy mô hiện đại hơn hẳn các cảng trong khu vực.

#### **2. Tình hình tài chính**

##### **a) Tình hình tài sản**

Tổng tài sản đầu kỳ 1.240,297 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 168,306 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 1.071,991 tỷ đồng.

Tổng tài sản cuối kỳ 1.120,754 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 187,380 tỷ đồng và tài sản dài hạn là 933,373 tỷ đồng.

Trong năm Công ty đã đầu tư, đưa vào sử dụng các máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng cho Vip Green Port. Tài sản đầu tư thêm đã mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Không có nợ phải thu xấu. Các khoản nợ phải thu luôn được tích cực thu hồi sớm, tránh triệt để trường hợp khách hàng nợ đọng kéo dài.



b) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Nợ phải trả đầu kỳ là 351,096 tỷ đồng, cuối kỳ là: 154,673 tỷ đồng. Nợ phải trả biến động như trên chủ yếu do giải ngân từ khoản vay ngân hàng Vietcombank Hải Phòng để xây dựng và đầu tư cho Công ty.

– Hiện tại Công ty không có nợ phải trả xấu. Chênh lệch của tỉ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Công tác quản lý được quan tâm từ các khâu: tổ chức, quản trị các hoạt động sản xuất, quản trị tài chính, quản trị các chi phí theo đúng các quy định hiện hành cũng như mới ban hành.

Các quy trình quản lý, kinh doanh sản xuất được rà soát, sửa đổi và làm mới phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

Nâng cao ý thức trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của người lao động và tăng năng suất lao động.

Tổ chức thi thợ giỏi, khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường “giữ vững các khách hàng hiện tại và mời thêm khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Công ty”

Tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, lựa chọn hạng mục đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng để phát triển sản xuất cho năm 2020 và các năm tiếp theo theo đúng văn hóa Công ty.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của người lao động, đào tạo nguồn nhân lực với tầm nhìn dài hạn, liên tục khuyến khích người lao động học ngoại ngữ và học nghề 2.

Đẩy mạnh việc tăng năng suất chất lượng dịch vụ và đầu tư đổi mới công nghệ ứng dụng trong quản lý cũng như sản xuất.

Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có.**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Các chỉ tiêu môi trường và trách nhiệm về môi trường luôn được đảm bảo và ưu tiên hàng đầu trong việc phát triển bền vững Công ty,

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn. Hoàn thành tốt việc nâng bậc lương trong năm theo đúng quy định.

Người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện.



#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

Năm 2019 tiếp nối là một năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề, thị trường vận tải biển tiếp tục bất ổn.

Việc đầu tư xây dựng và cải tiến mô hình sản xuất của Cảng VIP GREEN PORT được thực hiện theo đúng tiến độ. Với nỗ lực của Ban Giám đốc cùng các cấp quản lý đã giữ vững được uy tín với khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh cho Công ty trong các năm tiếp theo. Nhìn tổng quan kết quả đã đạt được là rất đáng khích lệ, tạo đà cho triển vọng phát triển sắp tới theo đúng truyền thống văn hóa doanh nghiệp của Công ty. Các công nghệ mới và hiện đại được ứng dụng vào quá trình khai thác và thủ tục hành chính, mang lại sự tiện lợi cho khách hàng.

Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ, chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý tài chính. Quản lý tốt các nguồn thu, chi của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách cho Nhà nước.

Công tác tiếp thị làm thị trường được Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và trực tiếp thực hiện các mảng dịch vụ mang lại nhiều doanh thu, lợi nhuận, đồng thời luôn chỉ đạo các đơn vị với quan điểm: khách hàng là sự tồn tại và phát triển của Công ty.

Thương hiệu của Công ty ngày càng được nhiều khách hàng và các tổ chức trong nước, quốc tế biết đến. Quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài ngày càng mở rộng.

Người lao động được đảm bảo việc làm và có thu nhập cao. Công tác an sinh - xã hội, hoạt động của các đoàn thể được thực hiện tốt. Luôn có trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương, đồng thời tích cực trong việc đóng góp, ủng hộ các quỹ từ thiện, và phúc lợi xã hội.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Trong bối cảnh khó khăn chung của kinh tế thị trường, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh hết sức khả quan, đưa Công ty ngày càng tăng trưởng ổn định, bền vững.

Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các định hướng, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Trong thời gian tới, tiếp tục định hướng Công ty theo sát tình hình thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động sản xuất chính ổn định; đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá trị thương hiệu. Lựa chọn hạng mục đầu tư, quy mô đầu tư để tiếp tục mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh, tiếp tục đưa Công ty phát triển bền vững và tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai, từng bước đưa Công ty trở thành Công ty kinh doanh cảng biển mang tầm cỡ quốc tế.

**V. Quản trị công ty****1. Hội đồng quản trị**

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HĐQT tại các cty khác
1	Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch	24,35 %	Thành viên độc lập	1
2	Ông Chang Cheng-Yung	Ủy viên	21,74%	Thành viên độc lập	1
3	Ông Trần Xuân Bạo	Ủy viên	16,67%	Thành viên độc lập	3
4	Ông Nguyễn Việt Trung	Ủy viên	16,67%	Thành viên độc lập	2
5	Ông Cáp Trọng Cường	Ủy viên	16,68%	Thành viên điều hành	1

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Bà Trương Thị Hà Thu là thư ký HĐQT, thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp định kỳ để tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra phương hướng kế hoạch cho thời gian tới. HĐQT Công ty có 05 thành viên, nhiệm kỳ hiện tại của từng thành viên là 05 năm từ 2017 – 2021. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giám sát các hoạt động điều hành của Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trong năm 2019, HĐQT luôn sát cánh cùng Ban điều hành, kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp, linh hoạt nhằm giữ vững thị trường, đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả

Năm 2019 HĐQT Công ty đã có những cuộc họp quan trọng, chi tiết như sau:

Stt	Số, ngày văn bản	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT ngày 09/04/2017	<p><b>Điều 1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG với kết quả kinh doanh như sau:</b></p> <p>Doanh thu: 757,3 tỷ đồng Lợi nhuận trước thuế: 148,2 tỷ đồng</p> <p><b>Điều 2. Thông qua Mức cổ tức năm 2018 và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2018:</b></p> <p>- Mức cổ tức cho Cổ đông năm 2018 là 8% Vốn điều lệ, tương đương 50.600.000.000 đồng.</p>



		<p>- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 là: 6.000.000.000 đồng</p> <p>-</p> <p><b>Điều 3: Thông qua Kế hoạch kinh doanh và dự kiến cổ tức năm 2019 như sau</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Doanh thu: 730 tỉ đồng</li><li>- Lợi nhuận: 125 tỉ đồng</li><li>- Dự kiến mức cổ tức 2019: không thấp hơn 8% vốn điều lệ.</li></ul> <p><b>Điều 4: Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty</b></p> <p>Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của chính phủ ban hành ngày 6/6/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng, HĐQT Công ty đã rà soát, xem xét điều chỉnh bổ sung một số điều khoản trong điều lệ cho phù hợp. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét thông qua các điểm sửa đổi, bổ sung đối với điều lệ Công ty và ủy quyền cho HĐQT công ty hoàn thiện Điều lệ Công ty cho phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật.</p> <p><b>Điều 5: Thông qua quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</b></p> <p>Thực hiện quy định về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng, căn cứ theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của chính phủ; Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng quy chế quản trị Công ty để thực hiện công tác quản trị nội bộ tại doanh nghiệp. HĐQT kính trình ĐHCĐ toàn văn quy chế này và kính ĐHCĐ xem xét thông qua và ủy quyền cho HĐQT Công ty hoàn thiện quy chế phù hợp với quy định hiện hành và Điều lệ Công ty.</p> <p><b>Điều 6. Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2019</b></p> <p>Để chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một Công ty kiểm toán trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu cung cấp dịch vụ kiểm toán để kiểm toán BCTC của CTCP Cảng Xanh VIP. Danh sách 4 công ty kiểm toán hàng đầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Công ty TNHH Ernest &amp; Young Việt Nam;</li><li>- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;</li><li>- Công ty TNHH PwC Việt Nam;</li><li>- Công ty TNHH Delloitte Việt Nam.</li></ul> <p>-</p> <p><b>Điều 7. Báo cáo tài chính theo chuẩn IFRS</b></p> <p>HĐQT thông qua dự kiến thực hiện Báo cáo tài chính toàn diện theo chuẩn IFRS vào năm 2020.</p> <p><b>Điều 8: Thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2018</b></p> <p>HĐQT thông qua việc các thành viên HĐQT và BKS VGR không nhận tiền thù lao năm 2018 của Công ty.</p>
2	02/2019/NQ-HĐQT ngày	<p><b>Điều 1.</b> Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền cho cổ đông, chi tiết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tỷ lệ thực hiện: 8% mệnh giá cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 800</li></ul>

32  
C  
C  
A  
P  
N





	15/05/2017	đồng); - Thời gian thực hiện, dự kiến trong tháng 06/2019. <b>Điều 2:</b> Giao cho Giám đốc công ty chỉ đạo hoàn tất các thủ tục cần thiết, thực hiện việc chi trả cổ tức theo đúng quy định hiện hành.
3	03/2019/NQ-HĐQT ngày 18/06/2019	<b>Điều 1.</b> Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP. <b>Điều 2:</b> Giao cho Giám đốc Công ty thực hiện việc đàm phán, ký kết hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định hiện hành.
4	04/2019/NQ-HĐQT ngày 24/07/2019	<b>Điều 1.</b> Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện báo cáo tài chính toàn diện theo chuẩn IFRS cho năm tài chính 2019 cho Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP. <b>Điều 2:</b> Giao cho Giám đốc Công ty thực hiện việc đàm phán, ký kết hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định hiện hành.
5	05/2019/NQ-HĐQT ngày 20/12/2019	<b>Điều 1.</b> Thông qua dự kiến budget năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP - Doanh thu: 800 tỷ đồng - Lợi nhuận: 143 tỷ đồng <b>Điều 2:</b> Thông qua việc đầu tư thêm 02 RTG cho cảng VGP dự kiến như sau: - Thiết bị: 02 cần trục giàn bánh lốp Kalmar loại 8 bánh xe - Nhà sản xuất: Kalmar - Model: 402318-8L-2040C-ZE, sức nâng 40T dưới khung chụp - Giá: 2.580.000 USD - Phí lắp dựng tại Việt Nam: 210.000 USD - Tổng phí: 2.790.000 USD - Thời gian giao hàng: trong vòng 9 tháng <b>Điều 3:</b> Giao cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT không điều hành vẫn duy trì chế độ họp thường kỳ cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác. Các thành viên HĐQT không điều hành đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

Thư ký HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các thành viên HĐQT đều có các chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.



## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty hiện tại gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Ông Lê Thế Trung	Trưởng ban	0%
Ông Trương Lý Thế Anh	Ủy viên	0%
Ông Wu, Kuang-Hui	Ủy viên	0%

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ các quy định trong Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các qui chế, qui trình, các nghị quyết, quyết định.

Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cổ đông theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Thường xuyên có sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động của Công ty.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Công ty chỉ chi tiền thưởng, thù lao theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không nhận thù lao.

### b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2019.

### c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

### d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.



## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-02-00154-20-1



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
Tel: (84) 0225.8830333 | Fax: (84) 0225.8830688 | Email: info@vipgreenport.com.vn | Website: www.vipgreenport.com.vn

Báo cáo thường niên

---

Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0557-2018-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2020

---

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>187.380.893.752</b>	<b>168.306.296.161</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>24.788.536.512</b>	<b>1.417.757.972</b>
Tiền	111		24.788.536.512	1.417.757.972
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.300.000.000</b>	<b>3.300.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	3.300.000.000	3.300.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>77.626.297.283</b>	<b>77.333.403.123</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	73.966.350.661	69.070.403.361
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		93.205.720	2.607.296.690
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.566.740.902	5.655.703.072
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17.103.868.716</b>	<b>12.880.339.110</b>
Hàng tồn kho	141	9	17.103.868.716	12.880.339.110
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>64.562.191.241</b>	<b>73.374.795.956</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	4.847.380.728	22.348.131.845
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		59.714.810.513	51.018.373.820
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	-	8.290.291
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>933.373.530.692</b>	<b>1.071.991.319.099</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>619.235.818.095</b>	<b>737.929.022.126</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	618.878.799.344	737.175.528.363
Nguyên giá	222		1.054.411.171.979	1.051.911.171.975
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(435.532.372.635)	(314.735.643.616)
Tài sản cố định vô hình	227	11	357.018.751	753.493.763
Nguyên giá	228		1.982.375.000	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.625.356.249)	(1.228.881.237)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>982.000.000</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	-	982.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>314.137.712.597</b>	<b>333.080.296.973</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	314.137.712.597	333.080.296.973
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.120.754.424.444</b>	<b>1.240.297.615.260</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
Tel: (84) 0225.8830333 | Fax: (84) 0225.8830688 | Email: info@vipgreenport.com.vn | Website: www.vipgreenport.com.vn

Báo cáo thường niên

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>154.673.763.195</b>	<b>351.096.439.831</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.059.554.684</b>	<b>119.845.999.846</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	49.615.787.726	61.571.393.370
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		553.653.315	5.388.347
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	84.316.019	-
Phải trả người lao động	314		10.252.091.665	9.737.242.119
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.769.385.503	6.516.421.562
Phải trả ngắn hạn khác	319		182.405.558	162.075.600
Vay ngắn hạn	320	17	28.544.925.898	41.817.388.848
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	2.056.989.000	36.090.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>59.614.208.511</b>	<b>231.250.439.985</b>
Vay dài hạn	338	17	59.614.208.511	231.250.439.985
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>966.080.661.249</b>	<b>889.201.175.429</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>966.080.661.249</b>	<b>889.201.175.429</b>
Vốn cổ phần	411	20	632.500.000.000	632.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		632.500.000.000	632.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(94.000.000)	(94.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		333.674.661.249	256.795.175.429
- Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước	421a		200.195.175.429	108.546.524.002
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		133.479.485.820	148.248.651.427
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.120.754.424.444</b>	<b>1.240.297.615.260</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>791.771.660.788</b>	<b>757.329.066.444</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>602.049.255.613</b>	<b>543.363.977.082</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>189.722.405.175</b>	<b>213.965.089.362</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		475.672.657	1.052.098.505
Chi phí tài chính	22	24	16.532.159.661	33.799.300.020
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.714.547.815	33.682.698.263
Chi phí bán hàng	25	25	15.838.861.800	8.564.531.010
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	23.816.858.099	24.405.705.410
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>134.010.198.272</b>	<b>148.247.651.427</b>
Thu nhập khác	31		-	1.000.000
Chi phí khác	32		530.712.452	-
<b>Kết quả hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(530.712.452)</b>	<b>1.000.000</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>133.479.485.820</b>	<b>148.248.651.427</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>28</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>133.479.485.820</b>	<b>148.248.651.427</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.031	2.344

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PP GIÁN TIẾP)**

	Mã số	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	133.479.485.820	148.248.651.427
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	130.442.863.863	129.173.231.570
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	29.784.671	18.753.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(388.430.225)	(528.291.752)
Chi phí lãi vay	06	15.714.547.815	33.682.698.263
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>279.278.251.944</b>	<b>310.595.042.508</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(8.963.750.174)	(50.276.441.729)
Biến động hàng tồn kho	10	(3.241.529.606)	(5.979.194.930)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(9.758.278.864)	3.830.274.507
Biến động chi phí trả trước	12	27.193.675.661	(16.073.452.294)
		<b>284.508.368.961</b>	<b>242.096.228.062</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(19.491.150.163)	(37.618.315.435)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.979.101.000)	(4.963.910.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>261.038.117.798</b>	<b>199.514.002.627</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.500.000.000)	(23.082.995.391)
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(60.100.000.000)	(1.000.000.000)
Tiền thu hồi từ bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	60.100.000.000	45.753.375.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	371.139.837	952.507.863
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.128.860.163)</b>	<b>22.622.887.472</b>





	Mã số	2019 VND	2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(184.908.694.424)	(232.000.000.000)
Cổ tức đã trả	36	(50.600.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(235.508.694.424)</b>	<b>(232.000.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>			
<b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>23.400.563.211</b>	<b>(9.863.109.901)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh 5)</b>	<b>60</b>	<b>1.417.757.972</b>	<b>11.299.620.873</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(29.784.671)</b>	<b>(18.753.000)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)</b>	<b>70</b>	<b>24.788.536.512</b>	<b>1.417.757.972</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

#### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

#### (b) Hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, các hoạt động chính của Công ty là bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

#### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 157 nhân viên (1/1/2019: 160 nhân viên).



**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

10 X 11.0.0.1

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình****(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

02  
C  
C  
C  
A  
A

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 8 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 8 năm
- phương tiện vận chuyển 5 – 8 năm
- dụng cụ văn phòng 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình*****Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn*****i. Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 38 năm.

***ii. Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần*****Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác****(i) *Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) *Thu nhập từ tiền lãi***

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

15  
P  
IG  
V  
T

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng. Do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan

792  
CÔNG TY  
HÀNG  
XANH  
VIP  
P.HÀ

### **áo cáo bộ phận**

#### **ộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

ông ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- oạt động bốc dỡ container
- oạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch
- oạt động lái dật tàu
- oạt động khác

ết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

**ăm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

	<b>Hoạt động bốc dỡ container VND</b>	<b>Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND</b>	<b>Hoạt động lai dắt tàu VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
nh	628.436.006.079	87.636.580.485	18.888.207.571	56.810.866.653	791.771.660.788
ộ					
nh					189.722.405.175
ận					(56.242.919.355)
ân					
n					133.479.485.820
i					
DN					



**Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

	<b>Hoạt động bốc dỡ container VND</b>	<b>Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND</b>	<b>Hoạt động lai dắt tàu VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
ng doanh thu	591.081.496.558	112.575.539.108	17.462.675.926	36.209.354.852	757.329.066.444
a bộ phận					
ết quả kinh anh của bộ ận					213.965.089.362
hi phí không ân bỏ					(65.716.437.935)
hi nhuận thuần u thuế TNDN					148.248.651.427

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
Tel: (84) 0225.8830333 | Fax: (84) 0225.8830688 | Email: info@vipgreenport.com.vn | Website: www.vipgreenport.com.vn

Báo cáo thường niên

## Biên bản ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lại đất tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Chi phí của bộ phận chi phí không phân bổ	58.707.731.402	8.186.903.326	1.764.513.500	8.873.943.335	77.533.091.563 1.043.221.332.881
Chi phí tài sản					1.120.754.424.444
Chi phí trả của bộ phận chi phí không phân bổ	39.380.479.274	5.491.681.743	1.183.615.610	3.560.011.099	49.615.787.726 105.057.975.469
Chi phí nợ phải trả					154.673.763.195

## Biên bản kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi phí tiêu vốn	2.500.000.000
Chi phí hao tài sản cố định hữu nh	120.796.729.019
Chi phí hao tài sản cố định vô nh	396.475.012

**ai ngày 1 tháng 1 năm 2019**

	<b>Hoạt động bốc dỡ container VND</b>	<b>Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND</b>	<b>Hoạt động lại đất tàu VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
i sản của bộ phận	53.908.187.597	10.267.185.348	1.592.641.988	8.958.091.500	74.726.106.433
i sản không phân bổ					1.165.571.508.827
ng tài sản					1.240.297.615.260
ợ phải trả của bộ phận	48.055.347.340	9.152.471.639	1.419.728.010	2.943.846.381	61.571.393.370
ic khoản nợ không phân bổ					289.525.046.461
ng nợ phải trả					351.096.439.831

**ăm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

ni tiêu vốn	23.082.995.391
hầu hao tài sản cố định hữu nh	119.527.096.742
hầu hao tài sản cố định vô nh	396.474.996





# CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP

Địa chỉ: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
Tel: (84) 0225.8830333 | Fax: (84) 0225.8830688 | Email: info@vipgreenport.com.vn | Website: www.vipgreenport.com.vn

Báo cáo thường niên

## (b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty chỉ có một bộ phận theo vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	1.159.161.808	78.440.395
Tiền gửi ngân hàng	23.629.374.704	1.339.317.577
	24.788.536.512	1.417.757.972

## 6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	3.300.000.000	(*)	3.300.000.000	(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/20197 VND	1/1/20197 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.051.584.600	688.396.775
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	20.094.189.732	18.438.731.795
Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội	5.454.082.157	4.580.110.516
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	1.241.765.140	576.327.675
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh	10.083.150	227.181.350
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	-	755.999
<b>Bên thứ ba</b>		
Maersk Line A/S	16.069.137.648	18.837.605.489
MCC Transport Singapore Pte., Ltd.	15.075.286.102	12.127.273.522
Công Ty TNHH OOCL Việt Nam	7.298.477.988	6.312.982.920
Yang Ming Marine Transport Corporation	3.560.424.960	3.630.887.479
Các khách hàng khác	4.111.319.184	3.650.149.841
	73.966.350.661	69.070.403.361

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/20199 VND	1/1/20199 VND
Thanh toán hộ các hãng tàu	2.346.698.818	3.859.721.485
Phải thu bồi thường bảo hiểm	631.276.185	1.566.558.130
Lãi phải thu	45.652.055	28.361.667
Các khoản phải thu khác	543.113.844	201.061.790
	3.566.740.902	5.655.703.072



9. *Hàng tồn kho*

	Giá gốc	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công cụ và dụng cụ	17.103.868.716	12.880.339.110

==  
11  
10  
PH  
IX  
IF  
P.H  
==

**Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	393.145.072.964	56.879.235.381	597.834.901.284	4.051.962.350	1.051.911.171.979
Mua trong năm	-	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Số dư cuối năm	393.145.072.964	56.879.235.381	600.334.901.284	4.051.962.350	1.054.411.171.979
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	87.904.658.922	19.466.211.778	204.842.454.293	2.522.318.623	314.735.643.616
Khấu hao trong năm	30.900.438.660	9.316.125.336	79.790.478.115	789.686.908	120.796.729.019
Số dư cuối năm	118.805.097.582	28.782.337.114	284.632.932.408	3.312.005.531	435.532.372.635
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	305.240.414.042	37.413.023.603	392.992.446.991	1.529.643.727	737.175.528.363
Số dư cuối năm	274.339.975.382	28.096.898.267	315.701.968.876	739.956.819	618.878.799.344

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 537.721 triệu VND (1/1/2019: 642.143 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 309 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: Không có).

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.982.375.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.228.881.237
Khấu hao trong năm	396.475.012
Số dư cuối năm	1.625.356.249
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	753.493.763
Số dư cuối năm	357.018.751

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 357 triệu VND (1/1/2019: 746 triệu VND) được thế chấp tại một ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 35 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: Không có).

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>20199 VND</b>	<b>20188 VND</b>
Số dư đầu năm	982.000.000	74.360.171.595
Tăng trong năm (*)	-	23.202.694.883
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(96.373.012.478)
Chuyển sang hàng tồn kho	(982.000.000)	-
Chuyển sang chi phí trong năm	-	(207.854.000)
Số dư cuối năm	-	982.000.000



**13. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/20199</b>	<b>1/1/20199</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí bảo hiểm trả trước	1.589.871.121	997.168.436
Công cụ dụng cụ	3.257.509.607	2.483.663.638
Chi phí nạo vét, duy tu khu nước trước bến	-	18.867.299.771
	<hr/>	<hr/>
	4.847.380.728	22.348.131.845

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất</b>	<b>Công cụ và</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>trả trước</b>	<b>dụng cụ</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	312.176.019.330	20.904.277.643	333.080.296.973
Tăng trong năm	-	6.594.332.000	6.594.332.000
Phân bổ trong năm	(9.249.659.832)	(16.287.256.544)	(25.536.916.376)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	302.926.359.498	11.211.353.099	314.137.712.597

**14. Các khoản phải trả người bán****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	9.567.212.543	4.928.702.274
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao xanh	12.658.346.820	16.915.578.381
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển xanh	8.302.759.676	9.671.619.252
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4.057.082.797	1.049.803.904
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh	4.995.097.636	379.241.501
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	5.765.593.340	57.309.010
Công ty TNHH Phúc Nam	-	11.093.364.360
Công ty TNHH Tâm Cảng Đình Vũ	-	10.015.372.950
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hàng Hải Nhạn Biển Việt Nam	-	2.225.288.500
Các nhà cung cấp khác	4.269.695.914	5.235.113.238
	<b>49.615.787.726</b>	<b>61.571.393.370</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã bù trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2019 9 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	35.494.268.462	(35.494.268.462)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	(8.290.291)	889.516.734	-	(796.910.424)	84.316.019
Các loại thuế khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	<b>(8.290.291)</b>	<b>36.386.785.196</b>	<b>(35.494.268.462)</b>	<b>(799.910.424)</b>	<b>84.316.019</b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/20199 VND	1/1/20199 VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.097.605.714	5.874.208.062
Trích trước chi phí tiền điện	287.732.039	552.064.198
Trích trước chi phí nâng hạ tàu	949.047.750	-
Trích trước chi phí khác	435.000.000	90.149.302
	3.769.385.503	6.516.421.562

**17. Các khoản vay**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/20199 VND	1/1/20199 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (*)	VND	8,3%	2021	44.341.745.562	207.341.745.562
Công ty Cổ phần Container Việt Nam (**)	VND	7,0% - 8,3%	2021	43.817.388.847	65.726.083.271
				88.159.134.409	273.067.828.833
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(28.544.925.898)	(41.817.388.848)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				59.614.208.511	231.250.439.985

(\*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 618.879 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 737.176 triệu VND) (Thuyết minh 10).

(\*\*) Khoản vay dài hạn từ công ty mẹ, Công ty Cổ phần Container Việt Nam, không có tài sản đảm bảo.

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	36.090.000	-
Trích lập trong năm	6.000.000.000	5.000.000.000
Sử dụng trong năm	(3.979.101.000)	(4.963.910.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.056.989.000</b>	<b>36.090.000</b>

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần</b> <b>VND</b>	<b>Thặng dư</b> <b>vốn cổ phần</b> <b>VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b> <b>chưa phân phối</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
<b>Số dư tại ngày</b> <b>1/1/2018</b>	632.500.000.000	(94.000.000)	113.546.524.002	745.952.524.002
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	148.248.651.427	148.248.651.427
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày</b> <b>1/1/2019</b>	632.500.000.000	(94.000.000)	256.795.175.429	889.201.175.429
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	133.479.485.820	133.479.485.820
Trả cổ tức	-	-	(50.600.000.000)	(50.600.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày</b> <b>31/12/2019</b>	632.500.000.000	(94.000.000)	333.674.661.249	966.080.661.249

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	63.250.000	632.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**21. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 9 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 50.600 triệu VND cho năm 2018 (tương đương 8% vốn cổ phần của Công ty).

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	973.809	22.504.733.122	2.279	52.758.568
EUR	8	198.016	470	12.353.903
		22.504.931.138		65.112.471

**23. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Dịch vụ bốc dỡ container	628.436.006.079	591.081.496.558
Phí chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	87.636.580.485	112.575.539.108
Phí tàu lai	18.888.207.571	17.462.675.926
Dịch vụ khác	56.810.866.653	36.209.354.852
	<hr/>	<hr/>
	791.771.660.788	757.329.066.444
	<hr/>	<hr/>

**24. Chi phí tài chính**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	15.714.547.815	33.682.698.263
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	787.827.175	97.848.757
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.784.671	18.753.000
	<hr/>	<hr/>
	16.532.159.661	33.799.300.020
	<hr/>	<hr/>

**25. Chi phí bán hàng**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí hoa hồng nâng hạ tàu	15.838.861.800	8.564.531.010

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công	9.978.290.500	11.651.996.462
Chi phí khấu hao	2.076.767.936	2.145.421.224
Chi phí đồ dùng văn phòng	240.975.602	443.453.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.838.470.364	5.854.896.144
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.682.353.697	4.309.938.477
	<b>23.816.858.099</b>	<b>24.405.705.410</b>

**27. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân công	36.068.032.100	34.310.751.662
Chi phí khấu hao và phân bổ	130.442.863.863	129.173.231.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	468.781.550.940	406.127.027.243
Chi phí khác	6.412.528.609	6.723.203.027

**28. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	133.479.485.820	148.248.651.427
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.347.948.582	14.824.865.143
Chi phí không được khấu trừ	10.985.909	215.058.977
Ưu đãi thuế	(13.358.934.491)	(15.039.924.120)
	-	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu (năm 2015) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028).

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, cho kỳ kế toán báo cáo là 128.479.485.820 VND (2018: 148.248.651.427 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 63.250.000 cổ phiếu (2018: 63.250.000 cổ phiếu). Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

Chi tiết lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông như sau:

	<b>2019</b> <b>VND</b>	<b>2018</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	133.479.485.820	148.248.651.427
Số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.000.000.000)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	128.479.485.820	148.248.651.427



**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2019 VND</b>	<b>2018 VND</b>
<b>Các cổ đông</b>		
<b>Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Công ty mẹ</b>		
Cung cấp dịch vụ	9.356.246.386	4.194.070.247
Mua dịch vụ	35.517.398.282	33.153.154.258
Trả gốc vay	21.908.694.424	2.000.000.000
Chi phí lãi vay	4.613.174.137	5.423.786.345
<hr/>		
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)</b>		
Cung cấp dịch vụ	210.493.209.038	202.964.314.314
Chi phí hoa hồng	10.776.058.050	8.472.594.000
<b>Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh</b>		
Mua dịch vụ	92.640.241.828	84.542.441.834
Cung cấp dịch vụ	724.318.818	644.969.500
<b>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</b>		
Mua dịch vụ	1.126.929.091	2.334.472.502
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh</b>		
Mua dịch vụ	66.121.638.603	51.563.640.811
Cung cấp dịch vụ	13.192.158.818	175.384.500
<b>Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh</b>		
Mua dịch vụ	14.297.779.154	7.225.688.449
Cung cấp dịch vụ	-	144.690.000
<b>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</b>		
Mua dịch vụ	21.782.944.041	27.425.641.438
Cung cấp dịch vụ	7.209.951.900	5.903.947.390
<b>Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội</b>		
Cung cấp dịch vụ	28.990.533.384	23.768.526.104
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.744.425.928	1.431.766.751

578  
VGR  
PH  
X  
VIP  
TP.H



**31. Các khoản nợ tiềm ẩn**

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, Kiểm toán Nhà nước đã có kiến nghị tăng thu, giảm chi ngân sách Nhà nước từ kết quả kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công năm 2017 tại Tổng Cục Thuế và Chuyên đề công tác hoàn thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) tại Tổng Cục Thuế và 19 tỉnh, thành phố. Theo đó, tại cuộc họp với Cục Thuế Thành phố Hải Phòng ngày 25 tháng 10 năm 2018, Công ty được thông báo phải hoàn trả lại số tiền 9.954.508.833 VND trên tổng số thuế GTGT mà Công ty đã được hoàn theo Quyết định của Cục Thuế Thành phố Hải Phòng là 31.471.502.631 VND cho giai đoạn từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 9 năm 2016 với lý do dự án đã đi vào hoạt động, phát sinh doanh thu.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, Công ty đã gửi Công văn số 106/CT-KT khiếu nại với các cơ quan có thẩm quyền về khoản tiền thuế GTGT nêu trên, do đây là số thuế GTGT đầu vào trong giai đoạn đầu tư số 2, từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 11 năm 2016, ghi rõ tại giấy chứng nhận đầu tư của Công ty, và thỏa mãn điều kiện được hoàn thuế theo các quy định về thuế GTGT hiện hành.

Ngày 1 tháng 3 năm 2019, Kiểm toán Nhà nước đã có Công văn số 218/KTNN-CNII gửi Tổng Cục Thuế đề nghị Tổng Cục Thuế chỉ đạo Cục Thuế Thành phố Hải Phòng kiểm tra, xác định chính xác số thuế giá trị gia tăng được hoàn để làm căn cứ truy thu số tiền thuế GTGT theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, Kiểm toán Nhà nước đã có công văn số 294/KTNN-CNII gửi Công ty đề nghị Công ty làm việc với Cục Thuế Thành phố Hải Phòng để giải quyết vụ việc.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận một khoản nợ trên báo cáo tài chính cho số thuế phải hoàn trả nói trên do Cục Thuế Thành phố Hải Phòng chưa tiến hành kiểm tra và có kết luận về việc hoàn trả thuế này.

**32. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

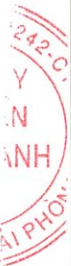
Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Người duyệt:

Đoàn Thị Thanh Thủy  
*Kế toán trưởng*

Cáp Trọng Cường  
*Giám đốc*





**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO  
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
GIÁM ĐỐC**



**GIÁM ĐỐC**

*Cấp Trọng Cường*

